

PHAN PH

ủ biên)



KHU PHỐ CỔ HÀ NỘI

nửa đầu thế kỷ XX
QUA TƯ LIỆU ĐỊA CHÍNH

GUYÊN
LIÊU

ST NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

Phần thứ hai

NGHIÊN CỨU CHUYÊN ĐỀ

Chuyên đề 1

VỀ CÁC NGUỒN TÀI LIỆU ĐỊA CHÍNH HÀ NỘI (Cuối thế kỷ XIX, nửa đầu thế kỷ XX)

I- TÀI LIỆU ĐỊA CHÍNH HÀ NỘI TẠI TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA I

Ngay sau khi đất nước giành được độc lập, ngày 8-9-1945, Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra Sắc lệnh thành lập và chỉ định người đứng đầu Nha Lưu trữ Công văn và Thư viện toàn quốc thuộc Bộ Quốc gia Giáo dục. Nhằm tiếp tục tăng cường cho việc quản lý thống nhất của Nhà nước về công tác lưu trữ, ngày 4-9-1962, Chính phủ ban hành Nghị định số 102/CP thành lập Cục Lưu trữ thuộc Phủ Thủ tướng. Một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của Cục Lưu trữ Nhà nước là trực tiếp quản lý tài liệu lưu trữ có ý nghĩa quốc gia. Trong những năm chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, Cục Lưu trữ Phủ Thủ tướng đã tổ chức sơ tán, bảo vệ an toàn một khối lượng lớn tài liệu lưu trữ quốc gia.

Hiện nay, Cục Lưu trữ Nhà nước đã thu thập được khoảng 30km giá tài liệu có ý nghĩa quốc gia, được viết bằng các ngôn ngữ Hán - Nôm, Pháp, Việt... trên các vật mang tin bằng giấy, mộc bản, phim ảnh, ghi âm, v.v.. Những tài liệu này được hình thành trong quá trình hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, gia đình, dòng họ tiêu biểu ở Việt Nam từ thế kỷ XV cho

đến ngày nay. Tài liệu lưu trữ quốc gia đã phục vụ có hiệu quả các nhu cầu nghiên cứu của tổ chức và cá nhân, góp phần thiết thực vào việc khôi phục nhiều công trình quan trọng sau chiến tranh cũng như phục vụ sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước.

Trung tâm Lưu trữ quốc gia I là một trong ba trung tâm trực thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước, có chức năng sưu tầm, thu thập, bổ sung; bảo quản và tổ chức sử dụng tài liệu, tư liệu lưu trữ Hán - Nôm và tài liệu, tư liệu lưu trữ tiếng Pháp được hình thành từ tháng 8-1945 trở về trước của các cơ quan, tổ chức, cá nhân ở trong nước và ngoài nước.

Trung tâm Lưu trữ quốc gia I hiện đang bảo quản một khối lượng tài liệu và tư liệu lớn, gồm:

Khối tài liệu Hán - Nôm: Đây là khối tài liệu được hình thành trong những cơ quan thuộc các triều đại phong kiến ở Việt Nam, chủ yếu là triều đại nhà Nguyễn (1802 - 1945). Cụ thể như sau:

- Tài liệu Châu bản triều Nguyễn từ Gia Long (1802) đến Bảo Đại (1945);

- Tài liệu Địa bộ: gồm trên 10.000 tập về các loại đất đai, kích thước, vị trí, chủ sở hữu, v.v., các làng xã từ miền Bắc đến miền Nam được lập trong hơn 30 năm đầu của triều Minh Mạng (1806 - 1837);

- Tài liệu Nha huyện Thọ Xương: là tài liệu thuộc thành nội Hà Nội;

- Tài liệu phong Nha Kinh lược Bắc Kỳ: là tài liệu của cơ quan đại diện của triều đình nhà Nguyễn ở Bắc Kỳ trong những năm cuối thế kỷ XIX;

- Sưu tập tài liệu Hương Khê: từ Hậu Lê (1619) đến Tự Đức.

Khối tài liệu tiếng Pháp: Là khối tài liệu được hình thành

trong các cơ quan chính quyền thuộc địa Pháp ở Đông Dương trước đây (gồm Việt Nam, Lào, Campuchia) và các sở chuyên môn của chính quyền thuộc địa Pháp ở Bắc Kỳ, gồm:

- Khối tài liệu chính quyền thân Pháp: gồm phong Bảo Đại Hà Nội; phong Bảo Đại Đà Lạt; phong Sở Học chính Bắc Việt; phong Sở Thông tin Tuyên truyền Bắc Việt; phong Toà Thị chính Hà Nội và khối tài liệu kỹ thuật: tài liệu kiến trúc; tài liệu giao thông đường bộ; tài liệu thuỷ lợi; tài liệu thuỷ lợi miền Trung.

- Khối tài liệu hành chính: là khối tài liệu chiếm số lượng nhiều nhất với 40 phong tài liệu. Tài liệu địa chính Hà Nội thuộc khối tài liệu này nằm tập trung nhiều nhất ở phong Sở Địa chính Hà Nội và nằm rải rác ở các phong: phong Sở Địa chính Bắc Kỳ, phong Toà Đốc lý Hà Nội, phong Sở Địa chính Hà Đông.

1. Phong Sở Địa chính Hà Nội

Trong số các phong tài liệu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, phong Sở Địa chính Hà Nội cung cấp số lượng lớn hồ sơ địa chính của riêng khu vực Hà Nội. Hiện nay, phong tài liệu này có 880 hồ sơ với độ dày mỏng, chất liệu và kích thước khác nhau. Hồ sơ mỏng nhất khoảng 2 - 3 tờ và hồ sơ dày nhất là gần 200 tờ. Chất liệu gồm có giấy pơluya và giấy thường. Kích thước bao gồm nhiều khổ giấy khác nhau. Loại hình tài liệu trong các hồ sơ gồm có: tài liệu viết tay, tài liệu đánh máy và bản đồ (có tỷ lệ). Một số hồ sơ có tài liệu vừa chữ Hán, vừa chữ quốc ngữ. Thời gian hình thành của các hồ sơ kéo dài từ năm 1888 đến năm 1956.

Phong tài liệu Sở Địa chính Hà Nội đã được chỉnh lý hoàn chỉnh thành hồ sơ. Nội dung chủ yếu gồm các tài liệu liên quan

đến những vấn đề đất đai, nhà cửa, chùa chiền và các phố của Hà Nội. Theo khung phân loại P. Boudet, tài liệu chỉ liên quan đến hai ký hiệu sau:

- Chính trị: chùa và đền (1890 - 1957), ký hiệu là F;

- Chế độ ruộng đất: ký hiệu là M, gồm:

+ Từ M3 - M8: Các hồ sơ thuộc lĩnh vực địa chính và đất đai của thành phố; hồ sơ về các phố của Hà Nội (1882 - 1956).

+ M83: Hồ sơ khu vực nhượng địa (1889 - 1953).

+ M84: Các hồ sơ thuộc lĩnh vực chuyển đổi đất đai trong các phố của Hà Nội (1888 - 1953).

+ M86: Các hồ sơ thuộc lĩnh vực trưng dụng đất để quy hoạch các phố (1889 - 1953).

+ M87: Hồ sơ trưng dụng đất cho việc xây dựng thành phố (1888 - 1944).

+ M89: Các hồ sơ đất đai do thành phố bán (1888 - 1949)¹.

Sau đây, chúng tôi miêu tả tỉ mỉ một số hồ sơ thuộc phong Sở Địa chính Hà Nội:

Hồ sơ có mã số ký hiệu 3 thuộc phong Sở Địa chính Hà Nội (có niên đại năm 1927): Nghiên cứu về các nghĩa trang ở Hà Nội và những vùng phụ cận. Báo cáo của Lavigne gửi Hội đồng Thành phố (étude des cimetières à Ha Noi et ses environs. Rapport de Lavigne à la Commission des Conseillers municipaux).

Hồ sơ gồm 6 tờ. Từ tờ 1 - 6 là bản báo cáo của Lavigne về dự án thành lập một ủy ban sắp xếp lại khu nghĩa trang bản địa theo quy định và tìm kiếm thêm chỗ dành để nhận mai táng dân bản xứ ở Hà Nội.

Nội dung của bản báo cáo gồm các phần:

Pháp chế: Trong phần này tác giả nêu ra các nghị định của

1. Tham khảo thêm *Thư mục tài liệu địa chính Hà Nội*.

Toàn quyền Đông Dương từ năm 1890 cho phép thành lập các nghĩa trang trong tất cả các trung tâm thành phố, tới Nghị định ngày 22-2-1892 thiết lập nghĩa trang của dân bản xứ ở đường L'Abattoire (phố Lò Lợn) và Nghị định ngày 31-12-1904 cho phép đào huyệt trong nghĩa trang bản xứ của Thành phố để mai táng.

Vị trí những nơi yên nghỉ: Trong phần này tác giả nêu lên các nghĩa trang sau:

+ Nghĩa trang cũ của khu nhượng địa.

+ Nghĩa trang Grand Boudha.

+ Nghĩa trang của người châu Âu: rộng 11.333m² do ông Blanc mua. Trước đây là vùng đất ngập úng kéo dài, là đất nghĩa trang của Bạch Mai và Hợp Thiện.

+ Nghĩa trang Công giáo ở đường Mandarine (đường Lê Duẩn) thuộc sở hữu của Hội Truyền giáo theo hợp đồng ngày 12-11-1894, dành để mai táng những người dân bản xứ theo Công giáo và những nhân vật của Hội Truyền giáo.

+ Nghĩa trang của tổ chức từ thiện Hợp Thiện được đặt ở làng Quỳnh Lôi, tổng Kim Liên, huyện Hoàn Long.

+ Nghĩa trang của dân Nam Kỳ được lập vào năm 1899 bởi các viên thông ngôn Sài Gòn.

+ Hai nghĩa trang của người Hoa nằm ở đường Thụy Khuê và đường 4 cột thuộc vùng ngoại thành xưa.

+ Nghĩa trang Vân Hồ ở làng Bạch Mai.

+ Nghĩa trang đại lộ Armand Rousseau.

+ Nghĩa trang Giảng Võ thuộc vùng ngoại thành xưa.

Hồ sơ ký hiệu số 76: Cadastre et domaine (địa bạ và tài sản).

Liệt kê địa bạ và tài sản sở hữu của cư dân các khu phố Hà Nội.

Hồ sơ gồm 16 bản đồ và 102 tờ chia thành từng tập hồ sơ cá nhân. Ví dụ, tập hồ sơ số 22 là giấy tờ về tài sản sở hữu ruộng đất của Trần Văn Chiêu, trong đó bao gồm:

- Đơn của ông Trần Văn Chiêu về việc mua một mảnh đất (viết bằng chữ Hán).

- Báo cáo của Giám đốc Sở Địa chính về yêu cầu mua mảnh đất của ông Chiêu.

- Hợp đồng bán đất.

- Bản đồ mặt bằng.

Hồ sơ tài sản sở hữu ruộng đất của Nguyễn Bá Bẩy, hồ sơ tài sản sở hữu ruộng đất của Nguyễn Văn Điền, Nguyễn Thị Hai... cũng cơ bản gồm các giấy tờ như trên.

2. Tài liệu địa chính Hà Nội tại một vài phong tư liệu khác

Phông Sở Địa chính Bắc Kỳ: Nghị định ngày 26-9-1900 của Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer thành lập tại Bắc Kỳ một Phòng Địa chính trực thuộc Sở Nông nghiệp Bắc Kỳ. Theo Nghị định ngày 8-3-1906 của Toàn quyền Đông Dương Beau, Phòng Địa chính được thành lập lại và chuyển thành Sở Địa chính đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Thống sứ Bắc Kỳ. Sau đó, Sở Địa chính được tổ chức lại và hoàn thiện bởi các nghị định ngày 23-9-1913, ngày 7-12-1939 và Nghị định số 349 THP/NĐ, ngày 31-1-1953. Sở Địa chính Bắc Kỳ có trách nhiệm tổ chức, thực hiện và kiểm tra kỹ thuật việc đo đạc địa hình, lập các bản đồ và các sổ cái địa chính.

Hiện nay, phông Sở Địa chính Bắc Kỳ có 598 hồ sơ. Các hồ sơ có độ dày mỏng khác nhau. Hồ sơ dày nhất khoảng 150 tờ. Hồ sơ mỏng nhất khoảng 2 - 3 tờ. Thời gian của các hồ sơ kéo